SO SÁNH LUẬT PHÁ SẢN TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC - MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

TS. CAO NHẤT LINH*

Tóm tắt: *Đối tượng áp dụng của Luật Phá sản năm 2014 là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó, khi những tổ chức kinh tế này lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì người lao động, công đoàn cơ sở, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, những người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã,... có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, so với các quy định của một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Đầu tư năm 2020, Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì các quy định liên quan nêu trên đang bộc lộ một số bất cập cần được tiếp tục hoàn thiện.*

Từ khóa: *Luật Phá sản; doanh nghiệp; hợp tác xã; yêu cầu mở thủ tục phá sản; Luật Đầu tư; Bộ luật Lao động; Luật Doanh nghiệp.*

Ngày nhận bài: 23/12/2022 Ngày hoàn thành biên tập: 21/4/2023 Ngày duyệt đăng bài: 27/4/2023

Abstract: *Subjects of application of the 2014 Law on Bankruptcy are enterprises, cooperatives and unions of cooperatives established and operating under the provisions of Vietnamese law. Therefore, when these economic organisations fall into the state of inability to pay their due debts, employees, grassroots trade unions, legal representatives of enterprises, cooperatives, managers, etc., have the right or obligation to file a petition to open bankruptcy proceedings. However, compared with the provisions of some current legal documents such as the 2019 Labour Code, the 2020 Law on Enterprises and the 2020 Law on Investment, the above related regulations are revealing many shortcomings needing to be further improved.*

Keywords: *the Law on Bankruptcy; enterprises; cooperatives; request to open bankruptcy proceedings; the Law on Investment; the Labour Code; the Law on Enterprises.*

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh ngày càng được hoàn thiện, bắt nhịp với sự phát triển chung của nền kinh tế hội nhập. Một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan mật thiết đến việc áp dụng Luật Phá sản năm 2014. Cụ thể: quy định về tổ chức kinh tế trong Luật Đầu tư năm 2020 có liên quan đến đối tượng áp dụng của Luật Phá sản năm 2014; quy định về tổ chức đại diện tập thể người lao động tại doanh nghiệp trong Bộ luật Lao động năm 2019 có liên quan đến chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong Luật Phá sản năm 2014; quy định về người quản lý doanh nghiệp và quyền, nghĩa vụ của họ trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 liên quan đến chủ thể có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong Luật Phá sản năm 2014... Do đó, việc so sánh các quy định của các luật khác có liên quan với các quy định của Luật Phá sản năm 2014 là rất cần thiết, nhằm tìm ra những điểm khác biệt, bất cập của Luật Phá sản năm 2014 so với các văn bản quy phạm pháp luật này, làm cơ sở cho các kiến nghị hoàn thiện Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. So sánh Luật Phá sản với các Luật khác có liên quan

Thứ nhất, so sánh với Luật Đầu tư

Theo Điều 2 Luật Phá sản năm 2014 thì đối tượng áp dụng của Luật Phá sản là doanh nghiệp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 thì tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác[1]. Do đó, quy định đối tượng áp dụng của Luật Phá sản hiện

* Khoa Luật - Trường Đại học Cần Thơ.

[1] Khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020.

hành đã không còn phù hợp với thực tế tồn tại của các chủ thể kinh doanh hiện nay, đặc biệt là trong tương lai, khi Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác (Dự thảo trình Quốc hội) đã bổ sung khá nhiều tổ chức kinh tế tập thể bên cạnh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trong đó có một số tổ chức kinh tế tập thể có tư cách pháp nhân mới đó là Liên đoàn hợp tác xã[2].

Do vậy, để phù hợp với thực tiễn tồn tại của các tổ chức kinh tế hiện nay, đối tượng áp dụng của Luật Phá sản cần được bổ sung theo hướng: *"Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác (sau đây gọi chung là doanh nghiệp, hợp tác xã) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật"*. Hoặc nếu không áp dụng cho tất cả các tổ chức kinh tế khác thì đối tượng áp dụng của Luật Phá sản cũng cần phải sửa đổi, bổ sung cho tương thích với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân đang tồn tại trên thực tế. Cụ thể, Điều 2 Luật Phá sản năm 2014 cũng có thể sửa đổi, bổ sung theo hướng: *"Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác có tư cách pháp nhân (sau đây gọi chung là doanh nghiệp, hợp tác xã) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật"*.

Thứ hai, so sánh với Bộ luật Lao động

Khoản 2 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 quy định: *"Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán"*. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ luật Lao động năm 2019 đã bổ sung thêm một tổ chức đại diện người lao động không phải là công đoàn. Theo đó, *"tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở là tổ chức được thành lập trên cơ sở tự nguyện của người lao động tại một đơn vị sử dụng lao động nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động thông qua thương lượng tập thể hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về lao động. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp"*[3]. Căn cứ vào quy định này thì công đoàn và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp dù có sự khác nhau về bản chất và mục đích[4], nhưng lại có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động. Như vậy, về mặt pháp lý, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp vẫn có thể thực hiện được quyền đại diện cho người lao động để nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Như vậy, nội dung khoản 2 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 nêu trên không còn phù hợp với quy định mới của Bộ luật Lao động hiện hành.

Do đó, khoản 2 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 cần được sửa đổi, bổ sung cho tương thích với Bộ luật Lao động năm 2019 theo hướng: *"2. Người lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở hoặc tổ chức đại diện người lao động cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán"*. Kiến nghị này nhằm mục đích khắc phục tình trạng người lao động không mạnh dạn nộp đơn

---

[2] Dự thảo Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác (Dự thảo trình Quốc hội), http://vibonline.com.vn/du_thao/du-thao-luat-cac-chuc-kinh-te-hop-tac, truy cập ngày 16/02/2023.

[3] Khoản 3 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019.

[4] Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lê Thị Ngọc Yến, *Tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp theo Bộ luật Lao động năm 2019*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210670/To-chuc-dai-dien-nguoi-lao-dong-tai-doanh-nghiep-theo-Bo-luat-Lao-dong-nam-2019.html, truy cập ngày 20/12/2022.

yêu cầu mở thủ tục phá sản[5], đồng thời để tăng cường cơ chế đại diện của người lao động trong lĩnh vực này và khẳng định vị trí bình đẳng trong bảo vệ người lao động của các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

Thứ ba, so sánh với Luật Doanh nghiệp

Một là, so sánh với quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Theo khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020, khi công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần *"có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan"*. Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 về nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản: *"Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán"*.

Vấn đề đặt ra ở đây là, khi có một trong số những người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thì những người đại diện theo pháp luật còn lại có phải thực hiện nghĩa vụ này nữa hay không? Hay là trong đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải có chữ ký của tất cả những người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp? Bởi vì, nếu người đại diện theo pháp luật không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì có thể bị Tòa án *"cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản"*[6]. Đồng thời, người đại diện theo pháp luật không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp có thiệt hại phát sinh sau thời điểm tổ doanh nghiệp, hợp tác xã đó mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra thì phải bồi thường[7].

Do đó, để phù hợp với quy định về nhiều người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì khoản 3 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng: *"Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiều người đại diện theo pháp luật thì một trong những người đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản"*. Quy định này sẽ bảo đảm được việc chỉ cần một trong số những người đại diện theo pháp luật nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì sẽ loại trừ nghĩa vụ nộp đơn của những người đại diện theo pháp luật còn lại. Do đó, nếu không có người nào trong số những người đại diện theo pháp luật thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì tất cả những người đại diện theo pháp luật sẽ cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại phát sinh sau thời điểm doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Hai là, so sánh với quy định về người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp

Theo khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020, *"Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty"*.

[5] Nguyễn Ngọc Anh, *Các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật phá sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, https://tapchitoaan.vn/cac-chu-the-tham-gia-quan-he-phap-luat-pha-san-mot-so-bat-cap-va-kien-nghi-hoan-thien, truy cập ngày 22/12/2022.

[6] Khoản 3 Điều 130 Luật Phá sản năm 2014.

[7] Khoản 5 Điều 128 Luật Phá sản năm 2014.

Tuy nhiên, khoản 4 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 chỉ ràng buộc nghĩa vụ của những người sau đây trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản: *"Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán"*. Do đó, quy định này vừa thừa, vừa thiếu so với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, vì các lý do sau:

Lý do thứ nhất, đối với chủ doanh nghiệp tư nhân: Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã có quy định: *"Chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật"*[8]. Như vậy, chủ doanh nghiệp tư nhân là người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được quy định tại khoản 3 Điều 5 với tư cách là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Do đó, quy định thêm nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tại khoản 4 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 nữa là bị lặp lại, dư thừa.

Lý do thứ hai, đối với chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không phải là người nằm trong nhóm cơ cấu tổ chức quản lý công ty. Thay vào đó, người đứng đầu trong cơ cấu tổ chức quản lý công ty chính là Chủ tịch Hội đồng thành viên[9] hoặc Chủ tịch công ty[10]. Dù có thể người quản lý của công ty là những người do chủ sở hữu chỉ định, bổ nhiệm hoặc đi thuê để quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, nhưng những quyết định của họ có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của chủ sở hữu, của công ty, chủ nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến công ty[11]. Do đó, việc giao cho chủ sở hữu công ty có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là không hợp lý và không đồng bộ so với những người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với tư cách là người quản lý công ty ở những loại hình công ty khác. Do đó, khoản 4 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 nên sửa đổi từ "chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên" thành "Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên". Bởi vì, đây mới chính là người đứng đầu trong cơ cấu tổ chức quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Lý do thứ ba, đối với những người quản lý khác của doanh nghiệp: Khoản 4 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 thiếu vắng hai nhóm người quản lý doanh nghiệp rất quan trọng của doanh nghiệp đó là Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) và thành viên Hội đồng thành viên công ty.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) cũng là một trong những người quản lý doanh nghiệp[12]. Người này chịu trách nhiệm trình báo cáo tài chính hằng năm lên cơ quan quản lý cao nhất của doanh nghiệp và rất nhiều nhiệm vụ, quyền hạn quản lý khác trong doanh nghiệp[13]. Mặc dù Luật vẫn cho phép Chủ tịch

---

[8] Khoản 3 Điều 190 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

[9] Khi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu lựa chọn mô hình quản lý là "Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc".

[10] Khi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu lựa chọn mô hình quản lý là mô hình "Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc" và khi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu.

[11] Lại Trung Dũng, *Nghĩa vụ của người quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp*, Tạp chí Tài chính, https://tapchitaichinh.vn/nghia-vu-cua-nguoi-quan-ly-cong-ty-theo-luat-doanh-nghiep.html, truy cập ngày 22/12/2022.

[12] Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

[13] Điều 63, Điều 82, Điều 100, Điều 162... Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 38 Luật Hợp tác xã năm 2012; Điều 49, Điều 55 Dự thảo Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, dự thảo trình Quốc hội, http://vibonline.com.vn/du_thao/du-thao-luat-cac-chuc-kinh-te-hop-tac, truy cập ngày 16/02/2023.

hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc)[14], nhưng về nguyên tắc thì hai chức danh này hoàn toàn khác nhau và có thể do hai người khác nhau đảm nhiệm. Do đó, Luật Phá sản năm 2014 không đưa Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) doanh nghiệp vào nhóm người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là một thiếu sót cần được bổ sung.

Ngoài ra, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thành viên góp vốn của công ty hợp danh cũng là những người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020[15]. Thế nhưng, hai nhóm thành viên công ty này không có quyền, cũng không có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Điều này khá bất hợp lý, bởi vì, đối với công ty cổ phần thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng (hoặc cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng nếu Điều lệ công ty có quy định) có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán[16]. Quy định này nhằm bảo đảm quyền, lợi ích trong việc phòng tránh rủi ro cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông có số cổ phần lớn trong công ty khi công ty mất khả năng thanh toán. Vậy thì tại sao đối với thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thành viên góp vốn của công ty hợp danh có tỷ lệ vốn cao trong công ty lại không được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản[17]? Đó là chưa kể đến hai nhóm thành viên này đều nằm trong Hội đồng thành viên và đều được liệt kê vào nhóm những người quản lý công ty[18].

Do đó, khi sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản năm 2014, cần bổ sung thêm nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho các đối tượng này theo hướng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thành viên góp vốn của công ty hợp danh sở hữu ít nhất từ 10% vốn điều lệ thì có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty mất khả năng thanh toán. Kiến nghị này có thể được chứng minh bởi quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 là thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định thì có quyền: *"... kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, số kế toán, báo cáo tài chính hằng năm; Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và tài liệu khác của công ty..."*[19]. Việc sở hữu từ 10% vốn điều lệ đã có thể nắm được tình hình tài chính, tiếp cận sổ sách của công ty thì Luật Phá sản nên ràng buộc nghĩa vụ của những thành viên này trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là hợp lý về mức độ bảo vệ rủi ro và khả năng chứng minh doanh nghiệp mất khả năng thanh toán của thành viên này.

Ba là, so sánh với quy định về quyền, nghĩa vụ của các cơ quan quản lý trong cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp

Luật Phá sản năm 2014 quy định: *"...Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán"*[20]. Dù Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có quy

[14] Trần Thăng Long, Phan Huy Lâm, *Các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về cổ đông, hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc công ty cổ phần - một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211033, truy cập ngày 22/12/2022.

[15] Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

[16] Khoản 5 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014.

[17] Chế Văn Trung, *Pháp luật về phá sản: Một số bất cập và giải pháp góp phần hoàn thiện*, Tạp chí Công Thương, https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-pha-san-mot-so-bat-cap-va-giai-phap-gop-phan-hoan-thien-75960.htm, truy cập ngày 22/12/2022.

[18] Khoản 24 Điều 4, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 183 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

[19] Khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

[20] Khoản 4 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014.

định quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của những người quản lý công ty nêu trên, nhưng nếu xét theo nguyên tắc áp dụng luật chuyên ngành thì Luật Phá sản vẫn được áp dụng. Điều này đồng nghĩa với việc những người quản lý công ty nêu trên vẫn phải có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty mất khả năng thanh toán. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này thì họ *"phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp có thiệt hại phát sinh sau thời điểm công ty mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra thì phải bồi thường"*[21]. Ngoài ra, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ này, thì họ còn có thể *"không được quyền thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản"*[22].

So với Luật Phá sản năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2020 có thêm quy định về quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Hội đồng quản trị công ty cổ phần, Hội đồng thành viên công ty hợp danh trong việc *"yêu cầu phá sản công ty"*[23]. Các quy định này đã có từ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và tiếp tục được kế thừa trong Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, các quy định này không khả thi và không áp dụng được trong suốt quá trình áp dụng Luật Doanh nghiệp năm 2014 và hiện nay là Luật Doanh nghiệp năm 2020. Bởi vì, trong Luật Phá sản năm 2014 không có quyền, nghĩa vụ nào được gọi là quyền hay nghĩa vụ *"yêu cầu phá sản công ty"*. Do đó, trong thời gian tới, khi được sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản nên có quy định thống nhất hoặc sửa đổi, bổ sung quyền, nghĩa vụ của các chủ thể yêu cầu mở thủ tục phá sản cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp, đồng thời thống nhất giữa hai thuật ngữ "*yêu cầu mở thủ tục phá sản*" và "*yêu cầu phá sản*" trong Luật Phá sản và Luật Doanh nghiệp.

3. Kết luận

So với một số quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trực tiếp đến việc áp dụng thì Luật Phá sản năm 2014 đang bộc lộ một số điểm hạn chế về đối tượng áp dụng và các chủ thể có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Phá sản năm 2014 và các quy định khác có liên quan cho phù hợp, thống nhất là điều cần thiết. Những sửa đổi, bổ sung này một mặt sẽ bảo đảm được việc cập nhật các quy định trong các bộ luật, luật ban hành sau Luật Phá sản, mặt khác nhằm bảo đảm bình đẳng, hợp lý trong quyền, nghĩa vụ giữa các chủ thể trong việc yêu cầu mở thủ tục phá sản. ❑

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Lao động năm 2019.
2. Luật Phá sản năm 2014.
3. Luật Doanh nghiệp năm 2020.
4. Luật Đầu tư năm 2020.
5. Dự thảo Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác (Dự thảo trình Quốc hội).
6. Nguyễn Ngọc Anh, *Các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật phá sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, https://tapchitoaan.vn/cac-chu-the-tham-gia-quan-he-phap-luat-pha-san-mot-so-bat-cap-va-kien-nghi-hoan-thien, truy cập ngày 22/12/2022.
7. Lại Trung Dũng, *Nghĩa vụ của người quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp*, Tạp chí Tài chính, https://tapchitaichinh.vn/nghia-vu-cua-nguoi-quan-ly-cong-ty-theo-luat-doanh-nghiep.html, truy cập ngày 22/12/2022.
8. Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lê Thị Ngọc Yến, *Tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp theo Bộ luật Lao động năm 2019*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210670/To-chuc-dai-dien-nguoi-lao-dong-tai-doanh-nghiep-theo-Bo-luat-Lao-dong-nam-2019.html, truy cập ngày 22/12/2022.
9. Trần Thăng Long, Phan Huy Lâm, *Các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về cổ đông, hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc công ty cổ phần - một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211033, truy cập ngày 22/12/2022.
10. Chế Văn Trung, *Pháp luật về phá sản: Một số bất cập và giải pháp góp phần hoàn thiện*, Tạp chí Công Thương, https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-pha-san-mot-so-bat-cap-va-giai-phap-gop-phan-hoan-thien-75960.htm, truy cập ngày 22/12/2022.

[21] Khoản 5 Điều 28 Luật Phá sản năm 2014.

[22] Khoản 3 Điều 130 Luật Phá sản năm 2014.

[23] Khoản 2 Điều 55; khoản 1 Điều 76; khoản 2 Điều 153; khoản 3 Điều 182 Luật Doanh nghiệp năm 2020.